



## TINH THẦN NHẬP THỂ CỦA PHẬT GIÁO ẤN ĐỘ

Nguyễn Thị Toan, Bùi Văn Hà

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 05/04/2017

Ngày phân biên đánh giá và sửa chữa: 25/05/2017

Ngày bài báo được duyệt đăng: 02/06/2017

### Tóm tắt:

*Nhập thể hiện nay là xu hướng chung trong sự phát triển của các tôn giáo hiện đại và đặc biệt biểu hiện rõ nét trong Phật giáo - một tôn giáo xuất thế nhưng trong nội tại đã hàm chứa tính chất nhập thế rất rõ ràng. Đức Phật chỉ cho chúng ta con đường đi đến giác ngộ, giải thoát đó là sự nỗ lực học pháp và hành pháp của mỗi cá nhân để khai mở trí tuệ, tự đoạn trừ vô minh và đau khổ. Asoka là một điển hình của nhập thế. Ông đã chiến thắng được chính bản thân mình, chuyển “mê” khai “ngộ” và ứng dụng lời Phật dạy vào xây dựng, thống nhất một quốc gia Ấn Độ rộng lớn và phát triển mạnh mẽ Phật giáo trong và ngoài xứ Ấn Độ.*

**Từ khóa:** Nhập thế, Phật giáo Ấn Độ, Asoka.

### 1. Đặt vấn đề

Trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu và hiện đại hoá hiện nay, tôn giáo đang ngày càng có vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Nhập thế là khuynh hướng thể hiện một cách sinh động quan hệ giữa tôn giáo với các thể chế xã hội ngoài tôn giáo (nhà nước, luật pháp, kinh tế, giáo dục, nghệ thuật...). Nó trở thành xu hướng phát triển chung của các tôn giáo ở hầu hết các quốc gia trên thế giới cũng như ở Việt Nam. Chính sự phát triển và giao lưu giữa các tôn giáo đã góp thêm phần thúc đẩy nhanh quá trình toàn cầu hoá trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, giữa các quốc gia. Vì vậy việc nghiên cứu tinh thần nhập thế của tôn giáo, đặc biệt là Phật giáo – một tôn giáo đang có sự phát triển mạnh mẽ ở Việt Nam cũng như Phương Tây là điều không thể bỏ qua.

Khái niệm “nhập thế” (penetration into life) được dùng với nghĩa chỉ sự tham gia ngày càng chủ động, tích cực thâm nhập vào cuộc sống thực tế của các tôn giáo, nhất là trong bối cảnh xã hội hiện nay khi nhu cầu về tôn giáo ngày càng đa dạng hóa. Các tôn giáo không chỉ đơn thuần phản ánh về phần tâm linh, mà đã thực sự đóng vai trò tinh thần, văn hóa quan trọng của xã hội trong nhiều phương diện của đời sống. Nói cách khác, nhập thế là sự mở rộng phạm vi tham gia hoạt động của tôn giáo ra ngoài phạm vi tôn giáo, ví dụ như: chính trị, kinh tế, ngoại giao, nghệ thuật, giáo dục, v.v..

### 2. Nội dung

#### 2.1. Tinh thần nhập thế trong tư tưởng Đức Phật

Phật giáo là tinh hoa của văn hóa Ấn Độ cổ, ra đời trên cơ sở kế thừa và phát triển những giá trị truyền thống văn hóa Ấn Độ lúc bấy giờ, đặc biệt là những tư tưởng triết học và đạo đức nhân văn trong

Vêda và Upanisad. Phật giáo với những triết thuyết sâu sắc, với tư tưởng từ bi, bác ái, đặc biệt là bình đẳng tôn giáo đã mang một hơi thở mới, sức sống mới tới xã hội Ấn Độ cổ đại.

Ngay từ khởi đầu, Phật giáo đã là một cuộc cách mạng chống lại tôn giáo thần quyền của Bà La Môn giáo. Trong khi xã hội Ấn Độ đang bị chi phối nặng nề bởi tư tưởng phân chia giai cấp, đẳng cấp tôn giáo khắc nghiệt của Bà La Môn giáo, thì Đức Phật lại chủ trương tinh thần bình đẳng với mọi chúng sinh. Chính ở đây, tư tưởng của Đức Phật đã mang tinh thần nhập thế sâu sắc khi giải phóng con người khỏi bất công tôn giáo. Với lòng từ bi trí tuệ, Đức Phật đã vượt qua hàng rào định kiến bất bình đẳng về đẳng cấp tôn giáo. Với Người, đã là con người thì từ khi sinh ra cho đến khi già, bệnh tật rồi chết đi đều khổ. Người cho rằng, về bản chất tự nhiên con người vốn bình đẳng về “khô” và khả năng tu hành để thoát khổ. Chuẩn mực “thiện” và “ác” không phải của riêng ai, của riêng đẳng cấp nào. Tính “thiện”, “ác” vốn tồn tại tự nó trong mỗi người. Và vì vậy, ở phương diện tôn giáo và giải thoát khỏi nỗi khổ thì con người không có sự phân chia đẳng cấp, không có sự phân biệt về tuổi tác, giới tính và sắc tộc. Tất cả đều được bình đẳng như nhau. Đây là tư tưởng đặc biệt tiến bộ và nhân văn của Đức Phật. Tư tưởng này đã khuyến khích, động viên nhiều tầng lớp người Ấn Độ lúc đó không ngừng tu tập thiện tâm để tiến đến giải thoát.

Đức Phật khẳng định, mọi chúng sinh đều bình đẳng như nhau về nỗi khổ và khả năng thoát khổ. Tôn giáo và giải thoát không chỉ dành riêng cho đẳng cấp Bà La Môn bởi xuất thân có tính thần thánh. Con đường giải thoát đó là bình đẳng cho tất cả mọi người, mỗi người phải tự đi, tự đến, tự tu hành để giác ngộ được vô ngã, tức là thoát được vô

minh về chính tồn tại vô thường của bản thân mình. Phật giáo hướng tới vấn đề vô ngã, một triết lý sống uyên thâm, vi diệu, vừa giúp con người tự chủ, thoát ly sự chi phối của thân người và thế giới, vừa vượt qua được các khổ đau, sầu muộn do hiểu về tính vô thường của tự ngã và thế giới gây ra, vừa là con đường đưa đến tâm giải thoát và tuệ minh triết.

Bằng triết lý mới, Đức Phật đã tấn công vào truyền thống phân biệt đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ thời bấy giờ. Người không kỳ thị, phủ nhận hay bài xích truyền thống của Bà la Môn giáo. Ngược lại, Người đã thiết lập một đường hướng mới ngay trên nền tảng kế thừa từ những giá trị nhân văn của đạo Bà La Môn, đề cao con đường và cách thức tu dưỡng đạo đức của Bà La Môn giáo cũng như nhiều phẩm hạnh tốt đẹp của một người Bà La Môn. Theo cách đó Đức Phật đã đưa nội hàm mới vào trong khái niệm Bà La Môn truyền thống, tức là ai chiến thắng được sự ràng buộc của Ngã và vượt qua được vô minh bằng trí tuệ, đạo đức và thiền định đều được coi là Bà La Môn, chứ không phải chỉ do xuất thân.

Đức Phật đã sáng lập ra một tôn giáo mới đủ cả lý và trí, đề cao trí tuệ và trách nhiệm của cá nhân trên con đường tu tập chứ không câu nệ vào xuất thân, dòng dõi của cá nhân đó. Sự đổi mới về tôn giáo này rất thích hợp với số đông người Ấn Độ thời đó. Sự đổi mới này buộc Bà La Môn giáo phải cách tân những quy tắc tôn giáo khắc nghiệt và giảm bớt tính thần quyền của đẳng cấp này. Đến thế kỷ V - VI, Bà La Môn giáo đã tự đổi thành Hindu giáo, theo nghĩa tôn giáo của người Hindu, tức tôn giáo của người Ấn Độ chứ không phải của riêng đẳng cấp Bà La Môn. Sự đổi mới này thực sự là một cuộc cách mạng tôn giáo.

Đề giáo dục, thuyết phục con người, Đức Phật đã trình bày Tứ Diệu Đế như là chân lý đúng đắn để tất cả mọi người có thể tinh tấn trên con đường giải thoát. Đế thứ 1: Khẳng định cuộc đời là bể khổ. Đế thứ 2: Có nhiều nguyên nhân của khổ. Đế thứ 3: Có thể chấm dứt được sự khổ, và Đế thứ 4: Con đường để tự chấm dứt đau khổ. Toàn bộ Tứ diệu đế là con đường nhận thức và tu dưỡng để tới Niết bàn, giải thoát. Trên cơ sở thuyết vô thường, vô ngã, Phật giáo muốn xây dựng một triết lý sống vị tha, nhân bản. Khi đã thấu suốt được triết lý vô ngã, vô thường con người sẽ vươn lên khỏi cuộc sống vị kỷ, sẽ tự giác đoạn diệt tham, sân, si,... và sống theo tinh thần: “từ bi, hỷ xả, vô ngã, vị tha”, yêu thương mọi người, thông cảm sâu sắc với những nỗi đau khổ của người khác như nỗi đau của chính mình, tìm mọi cách giảm nhẹ nỗi đau khổ cho họ.

Trên con đường tu tập, Phật giáo yêu cầu có sự kết hợp hài hoà của cả hai nhân tố trí tuệ và hành động. Đó chính là nội dung của con đường

Bát Chánh Đạo, là sự kết hợp Tam học (Giới-Định-Tuệ). Sự hài hoà đó là con đường Trung đạo, không sa vào hai thái cực: không theo con đường tự hành xác mà cũng không theo con đường khoái lạc. Con đường đó dẫn con người ta đến chỗ tri, kiến, an tịnh và Niết bàn. Con đường ấy không hề tách rời cuộc đời, lánh đời mà chính là hành pháp ngay giữa cuộc đời và đạt đến Niết bàn cũng ngay giữa cuộc đời trần thế.

Đức Phật không tán thành những nghi thức cúng tế có tính chất mê tín và những phép tu khổ hạnh làm suy nhược con người, đồng thời đấu tranh xóa bỏ sự phân biệt giai cấp, đẳng cấp tôn giáo. Đức Phật lên án các hình thức cúng tế có giết hại súc vật thời đó ở Ấn Độ. Người muốn tất cả mọi người, mọi loài đều sống đạo đức, lương hảo. Người thuyết pháp vì sự yên vui, hạnh phúc của mọi chúng sinh. Lúc đó, Phật giáo không phải là một hệ thống những nghi thức, luật lệ, cầu tụng giáo điều và phức tạp mà chỉ là một lối sống để có sự thanh tịnh trong suy nghĩ, nói năng và hành động.

Như vậy, nhờ hệ thống giáo lý giàu tính nhân văn, bình đẳng về đẳng cấp tôn giáo cùng với những phương pháp tu tập thiết thực kế thừa từ các tôn giáo lớn của Ấn Độ, Phật giáo thể hiện rõ tính chất nhập thế đặc dụng ngay từ khi mới xuất hiện. Vì vậy Phật giáo đã không chỉ dừng lại ở quê hương Ấn Độ mà còn mở rộng sang các vùng Tiểu Á, Đông Á, v.v. và ngày nay lan sang cả phương Tây. Ở mỗi một vùng miền, các quốc gia khác nhau với những đặc trưng về điều kiện địa lý, về phong tục tập quán, văn hoá, Phật giáo với cốt lõi từ, bi, hỷ, xả nhất vị cứu đời đã nhanh chóng hòa nhập vào nền văn hóa của các quốc gia và trở nên đa dạng, phong phú. Song, Phật giáo vẫn giữ được bản sắc của mình. Đó là do hệ thống giáo lý đặc sắc cùng nền đạo đức nhân văn thiết thực nhập thế dựa trên cơ sở của sự kết hợp học đi đôi với hành (Giới - Định - Tuệ) để giải thoát tuệ, giải thoát tâm, tạo nên mẫu người từ bi hỷ xả, lánh ác, làm thiện, xây dựng một thế giới hòa bình, văn minh, mọi chúng sinh đều được tự do, hạnh phúc.

## 2.2. Diễn hình nhập thế của Phật giáo thời vua Asoka

Nói đến Phật giáo Ấn Độ và sự truyền bá Phật giáo ra các nước lân cận, chúng ta không thể không nhắc tới hoàng đế Asoka. Trong lịch sử Ấn Độ ông đã để lại nhiều dấu tích quan trọng, song sự kiện quan trọng nhất có lẽ là sự chuyển đổi trong tâm khí của ông từ một hoàng đế bạo tàn trở thành một vị vua hết mình cho một nền chính trị hoà bình và cai trị dân chúng bằng đạo đức nhân văn, dùng chính lời Phật dạy để giáo hoá chúng dân.

Asoka kế thừa cơ nghiệp của tổ tiên, thống

nhất một Quốc gia rộng lớn, xây dựng cơ nghiệp xán lạn, nhưng khác với các vị hoàng đế khác, danh muôn thuở của ông được lưu là nhờ đã thực hiện thành công một nền chính trị nhân từ theo tinh thần Phật giáo. Sau cuộc chiến Kalinga bạo tàn, Asoka đã giành chiến thắng, nhưng để lại bao xót thương hận thù trong lòng dân chúng. Để thu phục được lòng dân sau bao chết chóc, thương vong ấy, Asoka ăn năn hối lỗi và dùng chính tình thương và sự hối cải của mình để chuộc lỗi với chúng dân. Asoka tìm đến một tôn giáo có khả năng xoa dịu nỗi đau khổ trong lòng họ và có lẽ không tôn giáo nào thích hợp hơn Phật giáo. Asoka dùng chính những lời dạy của Đức Phật mà phổ độ, giáo hoá chúng dân. Song chính bản thân Asoka đã bị thuyết phục bởi tinh thần khoan dung, Từ, Bi, Hỷ, Xả, vô ngã, vị tha đó của Phật giáo. Ông đã cải đạo từ Bà La Môn giáo sang Phật giáo và trở thành một ông vua Phật. Thực hành chánh pháp và làm cho loài người hiểu chánh pháp, biết tu tỉnh, biết hối cải và phục thiện - đó là con đường đã được ông lựa chọn với tâm niệm: “chiến thắng cao cả nhất là chiến thắng lòng người bằng đạo đức nhân ái” [4].

Không chỉ trở thành một tín đồ sùng Phật giáo mà Asoka còn tự đặt cho mình nhiệm vụ làm cho dân chúng sống theo lời dạy của Đức Phật. Ông đã cho dựng khắp nơi nhiều trụ cột đá có khắc ghi lời dạy của Đức Phật, nhằm truyền bá một kiểu sống mới cho các thần dân của mình và gieo rắc nơi họ tâm lòng từ bi, mộ đạo. Bắt đầu từ thời vua Asoka, Phật giáo đã trở thành Quốc giáo, thay thế vị trí Bà La Môn giáo lâu đời. Điểm tựa Phật giáo đã giúp Asoka thành công trong việc mở rộng lãnh thổ và thống nhất toàn cõi Ấn Độ rộng lớn. Ông đã lập một chiến công không phải bằng gươm đao mà là bằng bánh xe pháp từ bi, nhân ái của Phật giáo, để bánh xe đó luân chuyển mãi và Phật giáo lan rộng khắp Ấn Độ, tới cả những quốc gia lân cận trong bang giao hòa bình giữa các nước.

Bia ký II, Jaugad, Kalinga viết: “Các quốc gia biên giới chưa bị chinh phục có thể nghĩ như thế này: Nhà vua này muốn gì ở chúng ta? Mong muốn duy nhất của ta đối với các quốc gia này là họ hãy hiểu rằng họ không nên lo sợ mà hãy tin tưởng ở ta, rằng họ sẽ nhận được hạnh phúc từ ta chứ không phải đau khổ, và họ cần hiểu thêm rằng ta sẽ khoan dung tất cả và sẽ giúp họ thực hành chánh pháp để được lợi ích đời này và đời sau” [4]. Đoạn văn bia này cho thấy, ông có một mối bang giao rộng khắp với các vùng lãnh thổ lân cận. Sự chấm dứt chiến tranh, khuyến khích hạn chế sát hại vật vô tội, khuyên con người thực hành đạo từ bi... đã không khiến cho Quốc gia ông lãnh đạo trở nên yếu hèn, nhu nhược mà ngược lại, trong nước bớt giặc giã, vua cũng không phải bận tâm đến việc thân chinh

đẹp giặc và điều đó khiến mọi người tin rằng lòng từ bi có thể thắng hung tàn, chỉ có sự tha thứ, chầm dứt thù hận, mới có thể cắt đứt được oán kết dài lâu. Với những việc làm trên, có thể nói, ông là người tiên phong đề xướng một mô hình hòa bình thế giới. Ông không chỉ hiểu chánh pháp mà còn đem chánh pháp thể nghiệm trong cuộc đời và tích cực nhập thế cứu đời.

Tuy tự nhận mình là tín đồ Phật giáo, chọn Phật giáo làm quốc giáo, nhưng Asoka đồng thời khuyến khích các tôn giáo khác cùng phát triển với phương châm khoan dung tôn giáo để lãnh đạo chính sự. Nhà vua kêu gọi các giáo phái thôi tự khen tụng và chỉ trích các giáo phái khác mà cố tập trung trau dồi đạo đức tốt đẹp của dân tộc Ấn Độ: “lòng ngay thật, biết kiềm chế, lòng từ bi bác ái, sống thanh tịnh hoà nhã, tôn trọng các bậc huynh trưởng và thầy dạy, rộng rãi với bạn bè thân quyến, người quen, thậm chí cả với nô lệ... và ngăn cấm nghiêm minh các lý tưởng xấu xa như giận dữ, hung hăng, ganh tỵ...” [5; tr.69]. Ông muốn mọi người trong xã hội ông hãy sống đạo đức, thánh thiện hơn để qua đó giảm thiểu sự khác biệt giữa thần thánh với con người; xây dựng một xã hội hòa bình, trật tự và mọi người cùng sống tự do, hạnh phúc. Cách áp dụng đạo đức tôn giáo này của Asoka đã giải quyết được thực trạng tranh chấp giữa các tôn giáo ở Ấn Độ lúc bấy giờ - một trong những nguyên nhân cơ bản cản trở quá trình thống nhất Ấn Độ là do những hiềm khích, xung đột hay chiến tranh giữa các cộng đồng tín ngưỡng tôn giáo khác nhau.

Asoka đã cho khắc lên cột đá những chỉ dụ về đạo lý làm người, làm thần dân của vương quốc Ấn Độ hùng mạnh theo tinh thần Phật Giáo. Đặc biệt trong chỉ dụ thứ 12 đã nói rằng: “Nhà vua tôn trọng tất cả mọi người, tất cả các giáo sĩ cũng như tín đồ của các tôn giáo khác. Tín đồ của các tôn giáo khác nhau không được kỳ thị, chê bai tôn giáo khác dưới bất kỳ hình thức hay lý do nào. Nhà vua khuyến khích sự hoà hợp giữa các tôn giáo và kêu gọi tất cả các tôn giáo hãy giảng các giáo lý đúng đắn. Nhà vua không trông chờ những lễ vật hay lời tán dương, mà mong rằng, bằng việc làm thực tế các tôn giáo tôn trọng lẫn nhau. Có như vậy, sự tăng trưởng của mỗi tôn giáo sẽ là sự tuân thủ luật trung đạo” [6; tr.15-16]. Asoka đã thực hiện được tinh thần bình đẳng tôn giáo của đức Phật. Theo đó, mọi người đều được bình đẳng và hưởng hạnh phúc như nhau dù thuộc tôn giáo nào dưới triều đại của ngài. Asoka đã mang đến cho Đạo Phật Ấn Độ một lần nhập thế thành công không chỉ về phương diện đạo đức toàn xã hội Ấn Độ, mà cả về phương diện chính trị và văn hóa cả khu vực lúc đó.

Bằng việc làm và lời kêu gọi của mình, vua Asoka đã đem lại niềm tin không chỉ cho dân bản

xứ mà cả dân chúng ngoài biên cương và các vùng lân cận cũng thấy đó mà kính phục. Là một nhà chính trị khôn ngoan, ông đã thực hiện thành công một cuộc chinh phục bằng hoà bình lấy Phật Pháp làm điểm tựa thay cho gươm đao. Lời Phật dạy đã được Asoka vận dụng khéo léo vào các vấn đề chính trị - xã hội Ấn Độ đương thời và làm cho chúng sinh trong xã hội Ấn Độ dưới thời ông đều được ấm no, hạnh phúc.

### 3. Kết luận

Phật giáo thông thường chủ trương “xuất thế”, song xem xét kỹ ta thấy ngay từ đầu “nhập thế” đã là một tư tưởng chủ đạo của tôn giáo này. Để đạt giải thoát, Đức Phật không khuyên con người ta phải thoát tục, lánh đời để cầu hạnh phúc mà ngược lại, Người chủ trương một phương châm hành động bằng tự lực của tha nhân để tự giải thoát cho chính bản thân mình và đạt quả vị cao nhất tại chính cuộc đời trần tục này. Đức Phật đã làm một cuộc cách mạng tâm linh khi đề xướng một tôn giáo mới nhất

vị bình đẳng cứu đời, Người đã đem tư tưởng của mình hòa nhập vào cuộc đời, giáo hóa dân chúng, giúp tất cả chúng sinh đều có thể tu tập, lánh ác làm thiện, xa rời con đường bất chính và đạt giải thoát, tự do, hạnh phúc. Trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ, Asoka là một điển hình của nhập thế. Ông đã chiến thắng được chính bản thân mình, chuyên “mê” khai “ngộ” và ứng dụng lời Phật dạy vào xây dựng, thống nhất một quốc gia Ấn Độ rộng lớn nhất từ trước đến nay. Những hoạt động nhập thế thiết thực của ông không chỉ mang lại một Quốc gia Ấn Độ thịnh vượng mà còn góp phần phát triển mạnh mẽ Phật giáo trong và ngoài xứ Ấn Độ. Sau thời đại Asoka, Phật giáo đã phát triển rộng khắp thế giới, trong đó có ảnh hưởng sâu sắc đến Việt Nam. Phật giáo du nhập vào Việt Nam và đã trở thành một thành tố không thể thiếu trong đời sống văn hóa tâm linh của người Việt. Phật giáo Việt Nam đã hòa làm một vào dòng lịch sử dân tộc và tích cực nhập thế trên tất cả các bình diện của đời sống xã hội từ chính trị, ngoại giao đến văn hóa, giáo dục, đạo đức lối sống.

### Tài liệu tham khảo

- [1]. Thích Minh Châu (dịch) (2002), *Kinh Pháp cú*, NXB Tôn giáo, Hà Nội.
- [2]. Đỗ Quang Hưng (2006), *Phật giáo Việt Nam trong bối cảnh hội nhập và toàn cầu hóa*, Tạp chí Khoa học xã hội (số 9), tr. 58-66.
- [3]. Đới Thần Kinh (2007), *Thế tục hóa và thần thánh hóa*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo (số 4), tr. 11-17.
- [4]. Quảng Mẫn (2009), *Asoka huyền thoại và sự thật*, <http://hoalinhthoai.com>.
- [5]. P.V.Bavat (chủ biên) (2002), *2500 năm Phật giáo*, Nguyễn Đức Tư, Nguyễn Hữu Song (dịch), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
- [6]. Hoàng Thị Thơ (2007), *Vài suy ngẫm về khoan dung tôn giáo trong lịch sử Phật giáo Ấn Độ và Phật giáo Việt Nam*, Tạp chí Nghiên cứu tôn giáo (số 12), tr. 11-19.

## THE PENETRATION INTO LIFE OF INDIAN BUDDHIST

### Abstract:

*The present penetration into life is a general trend in development of modern religions and is particularly prominent in Buddhism - a 'spiritual exit' religion that is however intrinsically included penetration into life. The Buddha shows us the path to enlightenment and liberation which are the individual's effort to study the dharma and the law to open up the mind, to eliminate the ignorance and suffering. Asoka is a typical example of penetration into life. He won himself, transformed the ignorance into the enlightenment and applied the Buddha's teachings to the building, unification of a vast Indian nation, and strongly developed the Buddhism in and outside of India.*

**Keywords:** *penetration into life, Indian Buddhism, Asoka.*